

BÁO CÁO

**tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khoá XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020**

Thực hiện Kế hoạch số 97-KH/TU ngày 22/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012 – 2020, Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành báo cáo kết quả như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I- TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Tình hình nghiên cứu, quán triệt, triển khai, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW; việc xây dựng chương trình, kế hoạch và chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 15-NQ/TW

Sau khi tiếp thu Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012 – 2020 (sau đây, viết tắt là Nghị quyết số 15-NQ/TW), Chương trình hành động số 150-CTr/TU ngày 30/10/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện các kết luận và nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI và Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012 - 2020, Ban Thường vụ Huyện ủy đã triển khai đến các đồng chí Huyện ủy viên, Bí thư chi, đảng bộ cơ sở, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Ủy ban nhân dân Huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Huyện. Đồng thời, chỉ đạo cấp ủy đảng quán triệt đến tất cả đảng viên và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, đề ra mục tiêu, biện pháp cụ thể lãnh đạo tổ chức thực hiện.

Qua triển khai quán triệt, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn Huyện nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng về chính sách xã hội, góp phần nâng cao tinh thần phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức, trách nhiệm của Nhân dân, huy động toàn xã hội tham gia, tạo nguồn lực ngày càng phát triển, bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, kinh tế-xã hội ở địa phương.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Huyện ban hành các kế hoạch giai đoạn và hàng năm để tổ chức thực hiện. Đồng thời, lồng ghép đưa việc thực hiện chính sách người có công và an sinh xã hội vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm. Qua đó, phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng ngành, đơn vị triển khai thực hiện.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng để cụ thể hóa các nội dung Nghị quyết số 15-NQ/TW vào các chương trình, kế hoạch, đề án, chính sách của ngành và địa phương.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Huyện đến cơ sở đã xác định được trách nhiệm, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng trong hệ thống các chính sách xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội được cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện.

II- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 15-NQ/TW

1. Đánh giá thực hiện các mục tiêu cụ thể liên quan đến lĩnh vực của Nghị quyết số 15-NQ/TW

1.1. Chính sách ưu đãi người có công

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW đã góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm được mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là về nhà ở.

Mức sống gia đình người có công cơ bản bảo đảm bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Tính đến năm 2022, toàn Huyện đang quản lý trên 3.000 người đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp một lần và người thờ cúng liệt sĩ. Trong đó, còn 02 hộ chính sách thuộc hộ cận nghèo. Với truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”, thời gian qua, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về ưu đãi người có công với cách mạng.

Thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Chính phủ về hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở, kịp thời hỗ trợ giải quyết cơ bản về nhà ở đối với hộ người có công đang có khó khăn về nhà ở. Đã hỗ trợ giải quyết cơ bản xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công, đảm bảo nhà ở 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

Từng bước hoàn thiện, xác định công tác chăm lo thương binh liệt sĩ, người có công là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Trợ cấp ưu đãi người có công được điều chỉnh trên cơ sở mức tiêu dùng bình quân toàn xã hội, phù hợp

với tình hình kinh tế hiện nay. Ngoài trợ cấp ưu đãi còn có chế độ chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, ưu đãi trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề, tạo việc làm.

Năm 2021, Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp hàng tháng là 1.624.000 đồng (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2021), qua đó, đối tượng chính sách được mở rộng, tăng mức phụ cấp ưu đãi với một số nhóm đối tượng, góp phần giải quyết đúng chế độ theo quy định, tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, toàn dân tham gia chăm sóc người có công phát triển sâu rộng, trở thành trách nhiệm, huy động được nhiều nguồn lực hỗ trợ đối với người có công, gia đình và thân nhân về phát triển sản xuất, việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Chính sách an sinh xã hội

Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo Ủy ban nhân dân Huyện, các phòng, ban, ngành và xã, thị trấn đã thường xuyên rà soát các nghị quyết, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tổ chức triển khai thực hiện chính sách xã hội, nhất là chính sách người có công với cách mạng và chính sách an sinh xã hội, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Về tạo việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo:

Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân Huyện xác định công tác giảm nghèo bền vững là một trong những nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo và Chương trình xây dựng nông thôn mới. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo của người dân, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn Huyện ngày càng giảm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn, đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được cải thiện và nâng lên rõ rệt, nhất là gia đình người có công với cách mạng. Kết quả tỷ lệ hộ nghèo năm 2012 chiếm 13% (5.032 hộ), đến cuối năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo toàn Huyện đạt 1,12% theo chuẩn nghèo mới (không có hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số và hộ gia đình người có công).

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân được các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động; cùng với những chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trong Bộ Luật lao động, Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn liên quan, Huyện đã triển khai nhiều giải pháp thực hiện hiệu quả, góp phần bảo đảm đảm bảo giải quyết việc làm ngắn và dài hạn. Từ năm 2012 đến nay, đã giải quyết việc làm mới cho 56.823 lao động; đã đưa 726 lao động đi làm việc thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; đào tạo nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ là 378 lớp nghề, với 7.466 học viên tham dự.

- Về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp:

Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo Ủy ban nhân dân Huyện triển khai phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BH thất nghiệp), bảo hiểm xã hội tự nguyện (BHXH tự nguyện). Kết quả sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, số người tham gia BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp, BHXH tự nguyện tăng qua các năm.

(có Phụ lục 01 kèm theo)

Ước số thu BHXH, BH thất nghiệp năm 2022 tăng 5.724 người so với năm 2012, tỷ lệ tăng 79,97% (12.882/7.158) so với năm 2012.

- Về bảo đảm y tế tối thiểu (bao gồm cả bảo hiểm y tế): sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, số người tham gia BHYT ngày càng tăng.

(có Phụ lục 02 kèm theo)

Công tác khám chữa bệnh và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “*Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*” càng được nâng lên. Tính từ năm 2012 đến 30/6/2022, Bảo hiểm xã hội Huyện đã thực hiện thẩm định và thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh với các cơ sở khám trên địa bàn Huyện có 2.686.365 lượt người khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế với số tiền trên 251,811 tỷ đồng.

- Về trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

Hệ thống pháp luật, chính sách, các chương trình, đề án về chăm sóc, trợ giúp các đối tượng yếu thế tiếp tục được hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho các đối tượng yếu thế tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hộ nghèo,... đã được đưa vào Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân các cấp.

Chính sách trợ giúp xã hội được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Huyện. Từ năm 2012 đến nay, việc chi trả cho các đối tượng trợ giúp xã hội và hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng cho 66.833 lượt đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện đúng theo quy định¹.

- Về đảm bảo giáo dục tối thiểu:

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhất là các nghị quyết, Kết luận, các Chiến lược, chương trình, đề án về giáo dục,

¹ Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

đào tạo². Thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người dạy, người học như: chế độ hỗ trợ chi phí, phương tiện học tập cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh khuyết tật; chế độ ưu đãi cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học hoà nhập.

Đến năm học 2021 - 2022, công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đạt 100% trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học (*chỉ tiêu 99%*); đạt 99,94% ở bậc trung học cơ sở (*chỉ tiêu 95%*); đạt 98% người trong độ tuổi từ 15 trở lên biết chữ.

- *Về bảo đảm nhà ở tối thiểu*: triển khai thực hiện nhà ở tối thiểu cho người dân gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình xóa nhà tạm giai đoạn 2013 – 2020. Đến nay, trên địa bàn Huyện cơ bản xóa nhà tre lá xiêu vẹo cho hộ nghèo, hộ khó khăn về nhà ở.

- *Về bảo đảm nước sạch*: triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về nước sạch và bảo vệ môi trường nông thôn từ năm 2012 - 2022; thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới về nước sạch, khắc phục tình trạng thiếu nước sinh hoạt của dân cư trên địa bàn, năm 2012, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh sạch ngày càng tăng³.

- *Về bảo đảm thông tin truyền thông*: triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn dân cư gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia đưa thông tin về cơ sở; mạng lưới thông tin cơ sở ngày càng được củng cố, kiện toàn; cơ sở vật chất phục vụ công tác thông tin, truyền thông được quan tâm đầu tư, hiện đại⁴. Công tác thông tin, truyền thông được quan tâm triển khai thực hiện, thường xuyên đăng tin tuyên truyền về các chính sách xã hội⁵.

1.3. Nguồn lực thực hiện

Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên quán triệt quan điểm thực hiện chính sách xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cấp ủy, tổ chức đảng, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Hàng năm, căn cứ nguồn ngân sách phân bổ của Tỉnh, Huyện đã cân đối, bổ sung ngân sách phù hợp với điều kiện và khả năng ngân sách của Huyện để phân bổ ngân sách chi cho chính sách xã hội.

² Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*”.

³ Năm 2012, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh sạch 94,5%, năm 2022 tỷ lệ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100%; năm 2012 tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế 91,28%, năm 2022 tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế 99,57%.

⁴ Năm 2022, các xã, thị trấn được phủ sóng phát thanh 100% và có truyền hình mặt đất; 100% các xã, thị trấn có đài thu, phát truyền thanh; 100% xóm, ấp có các cụm loa phát thanh.

⁵ Trong giai đoạn 2012 - 2020 có 151 bài viết, 31 tin và 7.321 bài viết tuyên truyền về chính sách xã hội.

Ngoài ra, Huyện cũng đã khuyến khích, động viên để huy động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, mạnh thường quân, từ thiện tham gia hỗ trợ xã hội trên địa bàn. Việc phân bổ nguồn lực được thực hiện kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để các hành vi trục lợi chính sách. Việc phân bổ nguồn lực hợp lý, nhất là nguồn ngân sách nhà nước đối với chính sách xã hội, đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao đời sống của người dân, bảo đảm an sinh xã hội và chính sách người có công với cách mạng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết số 15-NQ/TW

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với người có công và bảo đảm an sinh xã hội.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, tổ chức chính trị, xã hội và người dân; thực hiện chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội ở tại địa phương tiếp tục phát huy, tương thân tương ái, chăm sóc, giúp đỡ người có công, người nghèo.

Đổi mới quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực ưu đãi người có công và an sinh xã hội; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, nâng cao năng lực thực thi chính sách của cấp cơ sở, đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội theo định kỳ.

Bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện chính sách hỗ trợ người có công, bảo trợ xã hội, đối tượng đột xuất do thiên tai cho và các chính sách an sinh xã hội; hoàn thiện các quy định về việc quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân, bảo đảm minh bạch, hiệu quả.

3. Thực hiện các nhiệm vụ giải pháp của Kết luận số 92-KL/TW

3.1. Về đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến luật pháp, chính sách xã hội:

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách xã hội và đa dạng hóa các hình thức như thông qua họp tổ, khóm, ấp, phát thanh, khẩu hiệu, pa nô, tài liệu và trong các phong trào thi đua yêu nước. Tăng cường thông tin truyền thông đến người dân nhất là hộ nghèo, vùng sâu; đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở.

3.2. Về phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện:

Hệ thống chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước được quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả; tiếp tục hỗ trợ đối tượng thụ hưởng với nhiều hình thức hỗ trợ thích hợp; triển khai thực hiện hiệu quả công

tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững; một số dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục tối thiểu, y tế tối thiểu, nhà ở tối thiểu, nước sạch, thông tin và truyền thông) cho người dân ngày càng được bảo đảm. Việc chi trả chế độ, trợ cấp đối với người có công với cách mạng, người bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và trợ cấp xã hội cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định.

3.3. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở và phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập:

Công tác giáo dục phổ thông gắn liền với đào tạo nghề để từng bước đáp ứng thị trường lao động, giải quyết việc làm; củng cố, kiện toàn đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh và cộng đồng xã hội; công tác chăm sóc sức khỏe, Bảo hiểm y tế, dân số được quan tâm và ngày càng được nâng cao về chất lượng; các chính sách hỗ trợ nhà ở nhất là đối với hộ nghèo, người có công với cách mạng được triển khai thực hiện có hiệu quả.

3.4. Về phát triển hệ thống dịch vụ xã hội chuyên nghiệp, đa dạng, linh hoạt:

Hệ thống dịch vụ phục vụ triển khai thực hiện chính sách xã hội, nhất là chính sách người có công và chính sách an sinh xã hội từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng như giáo dục, đào tạo, y tế, Bảo hiểm xã hội. Từng bước hình thành mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội và đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội trong cộng đồng; một số dịch vụ xã hội cơ bản ngày càng được phát huy, từng bước đáp ứng yêu cầu của các nhóm đối tượng yếu thế, hộ nghèo, đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội...

3.5. Về hiện đại hoá hệ thống quản lý:

Thực hiện công tác cải cách hành chính ở địa phương trong thời gian qua là công tác hiện đại hóa quy trình làm việc trong các lĩnh vực quản lý hành chính. Qua đó, góp phần giảm thiểu thời gian và chi phí của người dân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực. Trong đó hệ thống quản lý chính sách xã hội, nhất là chính sách người có công và chính sách an sinh xã hội từ Huyện đến cơ sở từng bước được hiện đại hóa; việc ứng dụng công nghệ thông tin, thống nhất số hóa cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội từng bước được đẩy mạnh và triển khai thực hiện có hiệu quả; công tác cải cách hành chính trong thực hiện chính sách xã hội được chú trọng thực hiện.

3.6. Về tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội:

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp luôn quan tâm, lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt nguồn lực thực hiện chính sách xã hội nhằm mục tiêu giảm nghèo hỗ trợ vốn cho các hộ gia đình có thu nhập thấp, khó khăn tự vươn lên, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới; hàng năm, ngoài ngân sách của Trung ương, Tỉnh, Huyện cũng cân đối, bổ sung ngân sách để triển khai thực hiện phù hợp tình hình thực tế địa phương.

4. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

4.1. Hạn chế, yếu kém

Công tác giảm nghèo chưa thực sự bền vững; việc làm, thu nhập của một bộ phận người dân chưa thực sự ổn định; chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe có mặt chưa đáp ứng nhu cầu của người dân, nhất là đối với người nghèo. Đời sống của một bộ phận người có công, người nghèo, vẫn còn khó khăn, nhất là về việc làm, thu nhập, nhà ở; tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm thất nghiệp còn thấp.

Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ ở Huyện và cấp xã có sự thay đổi thường xuyên nên việc nắm và thực hiện chính sách chưa đạt hiệu quả cao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế, chưa được tổ chức thường xuyên.

Một số văn bản quy định các chính sách ưu đãi người có công còn mang tính chất chung chung, chưa hướng dẫn cụ thể, nên ảnh hưởng đến việc nghiên cứu hiểu và thực hiện giữa các Huyện chưa đồng bộ, thống nhất.

4.2. Nguyên nhân chính của hạn chế, yếu kém

Một số người nghèo còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa tự lực vươn lên; chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Nhận thức của một số cấp ủy, người đứng đầu và cán bộ, công chức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của chính sách xã hội chưa đầy đủ và toàn diện; việc cụ thể hóa triển khai thực hiện còn chậm; công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách xã hội chưa được tăng cường; nguồn lực thực hiện chính sách xã hội của nhà nước còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác xã hội hóa chính sách xã hội, nhất là chính sách an sinh xã hội chưa sâu rộng, hiệu quả chưa cao.

5. Đánh giá chung

5.1. Những kết quả nổi bật

Ban Thường vụ Huyện ủy đặc biệt quan tâm chính sách người có công, đời sống người có công từng bước được nâng cao. Thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp thường xuyên, kịp thời, hiệu quả. Bảo hiểm y tế ngày càng được mở rộng, giáo dục và đào tạo, y tế đạt được nhiều kết quả, góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân và sự ổn định chính trị - xã hội.

5.2. Những hạn chế, yếu kém chủ yếu

Với kết quả đạt được, vẫn còn một số yếu kém hạn chế như: lĩnh vực xã hội tạo việc làm và giảm nghèo chưa bền vững; chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; nguồn lực thực hiện chính sách xã hội

của nhà nước còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác xã hội hóa chính sách xã hội, nhất là chính sách an sinh xã hội chưa sâu rộng, hiệu quả chưa cao.

6. Bài học kinh nghiệm

Một là, thực hiện chính sách xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hai là, chính sách xã hội phải được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên thực hiện tốt chính sách đối với người có công; bảo đảm mức sống tối thiểu và hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và truyền thống tốt đẹp, tương thân, tương ái của người dân trong việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời huy động sự tham gia mạnh mẽ của toàn xã hội để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Bốn là, tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội; phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*”; đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực hiện chính sách xã hội.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

GAİ ĐOẠN 2023 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I- BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Trong bối cảnh hiện nay, dưới tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật, thế giới ngày càng phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng, thị trường lao động, gia tăng, giúp người lao động có thể làm việc từ khắp nơi mà không nhất thiết phải gắn với một doanh nghiệp. Sự phát triển nền kinh tế tri thức, song cũng tạo ra những thách thức không nhỏ đối với nước ta, cũng là sự thách thức không nhỏ đối với huyện Châu Thành khi trình độ của người lao động chưa cao, thất nghiệp còn nhiều, khoảng cách về giàu - nghèo. Vì vậy, nâng cao nhận thức, phát triển kinh tế tri thức, tạo điều kiện thực hiện tốt nhất an sinh xã hội, để “không ai bị bỏ lại phía sau” là yêu cầu cấp thiết trong lĩnh vực an sinh xã hội trên địa bàn Huyện hiện nay.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm

Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động sự đóng góp của các tổ chức và cá nhân; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo.

Hệ thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện bảo đảm bền vững, công bằng; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia. Đồng thời tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh.

Tăng cường hợp tác phối hợp để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát (đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

Thực hiện tốt chính sách xã hội, đảm bảo quyền an sinh xã hội của người dân, thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người có công cách mạng; thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững; người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế được hỗ trợ kịp thời; cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống đối với đối tượng bảo trợ xã hội; từng bước đáp ứng nhu cầu tối thiểu của người có công và an sinh xã hội về thu nhập, nhà ở, giáo dục, y tế, giao thông, điện, nước sinh hoạt ...

2.2. Mục tiêu cụ thể (đến năm 2030)

Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản bảo đảm gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn, cơ bản bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của Nhân dân.

2.3. Các chỉ tiêu chủ yếu (đến năm 2030)

- Giai đoạn 2023 - 2030: phấn đấu hình thành hệ thống an sinh xã hội bao phủ toàn dân nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập bền vững, tham gia BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giúp người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội về y tế, giáo dục, nhà ở, điện, nước sạch, thông tin...góp phần ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

Cụ thể đến năm 2030:

+ 100% lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn nghề nghiệp, tìm việc làm;

+ Bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 240 lao động, giải quyết việc làm cho 3.000 lao động/năm;

- + Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 97%;
- + Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia, nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%;
- + Giảm tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều xuống còn dưới 3%, bình quân hàng năm giảm từ 0,1% trở lên.

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công để tập trung giải quyết những tồn đọng, phấn đấu đến cuối năm 2023, hỗ trợ giải quyết cơ bản về nhà ở đối với hộ người có công đang khó khăn về nhà ở. Có giải pháp giảm tỷ lệ hộ nghèo là đối tượng gia đình chính sách. Kiên quyết xử lý nghiêm mọi hành vi tham nhũng, gây khó khăn khi thực hiện chính sách đối với người có công. Kịp thời biểu dương, khen thưởng người thực hiện tốt công tác chăm sóc người có công và nêu gương vượt khó của hộ gia đình chính sách.

- Tiếp tục huy động nhiều nguồn lực hỗ trợ đối với người có công, gia đình và thân nhân, tạo điều kiện để họ tham gia phát triển sản xuất, việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, từng bước nâng mức sống của người có công, gia đình chính sách, bảo đảm bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của Nhân dân địa phương.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Nhân dân về chính sách xã hội; xác định rõ chính sách xã hội là nhiệm vụ chiến lược, trách nhiệm thường xuyên của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc ta.

Đổi mới và vận dụng có hiệu quả công tác tuyên truyền theo chiều sâu với nội dung và hình thức phù hợp giúp đối tượng tiếp cận và nắm bắt nhanh chóng chính sách xã hội, kịp thời và công bằng xã hội.

3.2. Công tác thực hiện chính sách người có công

Triển khai thực hiện đồng bộ chế độ ưu đãi nhằm nâng cao mức sống người có công để bản thân và gia đình họ có mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình của người dân.

Mở rộng các mô hình xã hội hoá chăm sóc người có công, đồng thời động viên sự vươn lên của bản thân, gia đình chính sách trong thời kỳ hội nhập và phát triển, tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng trong thời kỳ mới.

Rà soát, xem xét, đề xuất bố trí tăng cường nguồn nhân lực cho ngành Lao động Thương binh và Xã hội, từ Huyện đến xã, thị trấn để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, thực hiện tốt chính sách đối với người có công với cách mạng.

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác chính sách cấp huyện và cấp xã.

3.3. Công tác giảm nghèo, đào tạo nghề và việc làm

Tiếp tục thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tiếp cận với chuẩn nghèo đa chiều, nhất là các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng toàn diện, bền vững. Phân đầu giảm 0,1% hộ nghèo hàng năm.

Tập trung thực hiện tốt công tác tư vấn, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với việc làm, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo, trong đó quan tâm tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; tăng cường triển khai các hoạt động tư vấn, tuyên truyền đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; quan tâm giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế và lao động nữ.

3.4. Công tác bảo hiểm xã hội

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, đa tầng trong quá trình hội nhập quốc tế, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân. Tập trung và phát triển mạnh bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp.

Thực hiện chế độ chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đúng theo chế độ, chính sách, đảm bảo kịp thời, thuận tiện cho người thụ hưởng.

3.5. Công tác trợ giúp xã hội

Tiếp tục thực hiện trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Kịp thời trợ cấp đột xuất cho các hộ gia đình nghèo bệnh nặng, hộ khó khăn do thiên tai trên địa bàn Huyện.

Tập trung quan tâm các hình thức hỗ trợ, chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng như: người cao tuổi, trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật.

Tăng cường công tác vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa; đẩy mạnh công tác xã hội hóa thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

3.6. Công tác giáo dục

Thực hiện hệ thống giáo dục nâng cao chất lượng xã hội học tập, nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập giáo dục; chú trọng đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế.

Giải quyết kịp thời chính sách hỗ trợ học nghề đối với con em người có công với cách mạng, gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên con gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tăng cường huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, có sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống đi đôi với việc rèn luyện sức khỏe, nâng cao ý thức cho học sinh, sinh viên trong bảo vệ môi trường, tăng cường công tác quản lý đảm bảo an ninh trật tự trong trường học, phòng chống bạo lực, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, ma túy trong học đường.

3.7. Công tác y tế

Tăng cường công tác khám chữa bệnh trong Nhân dân, thực hiện giám sát, kiểm tra các bệnh lây nhiễm, không ché và không để dịch bệnh bùng phát trên địa bàn huyện.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh và ưu tiên tuyến xã; nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Đẩy mạnh thực hiện khám chữa bệnh hiệu quả việc sử dụng bảo hiểm y tế đối với Nhân dân; tăng cường đội ngũ cán bộ y tế về tuyến xã nhằm đáp ứng yêu cầu về khám, chữa bệnh cho Nhân dân.

III-TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi, đảng bộ cơ sở:

Căn cứ vào Chương trình kế hoạch của cấp ủy cấp trên về thực hiện chính sách người có công và an sinh xã hội, xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch phù hợp với cơ quan, đơn vị và địa phương, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đạt kết quả cao.

2. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Huyện:

Giúp Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức thực hiện chính sách người có công và an sinh xã hội từng nhiệm vụ cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Ủy ban nhân dân Huyện:

Căn cứ Chương trình hành động của Huyện ủy, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành Tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện. Định kỳ báo cáo hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy.

Phần thứ ba
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác lao động, người có công và xã hội ở địa phương.

2. Tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi người có công, nghiên cứu xử lý những bất hợp lý trong quá trình thực hiện, nhất là những vấn đề trực tiếp liên quan đến đời sống người có công, phấn đấu từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách về lĩnh vực người có công.

3. Ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời, đồng bộ, rõ ràng, cụ thể để thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Ban Thường vụ Huyện ủy Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Tỉnh,
- Đồng chí Nguyễn Hữu Cương, Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh,
- Thường trực Hội đồng nhân dân Huyện,
- Ủy ban nhân dân Huyện,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Huyện,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Lê Thị Phi Yến

PHỤ LỤC 01

số người tham gia BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp, BHXH tự nguyện
(kèm theo Báo cáo số 517-BC/HU ngày 05/7/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

Năm	BHXH bắt buộc (người)	BHXH tự nguyện (người)	Bảo hiểm thất nghiệp (người)	Tổng cộng	Tỷ lệ tăng (+), giảm (-) so với năm trước
2012	3.885	201	3.072	7.158	
2013	4.117	210	3.236	7.563	(+) 5,65%
2014	4.080	339	3.260	7.679	(+) 1,53%
2015	4.155	392	3.260	7.807	(+) 1,66%
2016	4.532	187	3.766	8.485	(+) 8,68%
2017	4.359	196	3.766	8.321	(-) 1,93%
2018	4.396	231	3.658	8.285	(-) 0,43%
2019	4.684	664	4.014	9.362	(+) 3%
2020	4.885	1.657	4.283	10.825	(+) 5,63%
2021	4.634	1.897	4.050	10.581	(-) 2,25%
Ước thực hiện năm 2022	5.242	2.996	4.644	12.882	(+) 1,75%

PHỤ LỤC 02
số người tham gia BHYT

(kèm theo Báo cáo số 517-BC/HU ngày 05/7/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

- Năm 2012: có 55.197 người tham gia BHYT.
- Năm 2013: có 71.446 người tham gia BHYT, chiếm 46,84% so với dân số (71.446/152.546).
- Năm 2014: có 74.465 người tham gia BHYT, chiếm 48,81% so với dân số (74.465/152.546).
- Năm 2015: có 77.044 người tham gia BHYT, chiếm 50,45% so với dân số (77.044/152.714).
- Năm 2016: có 91.516 người tham gia BHYT, chiếm 59,93% so với dân số (91.516/152.714).
- Năm 2017: có 102.881 người tham gia BHYT, chiếm 67,13% so với dân số (102.881/153.256).
- Năm 2018: có 112.290 người tham gia BHYT, chiếm 76,48% so với dân số (112.290/153.532).
- Năm 2019: có 119.038 người tham gia BHYT, chiếm 81,08% so với dân số (119.038/146.812).
- Năm 2020: có 127.531 người tham gia BHYT, chiếm 86,90% so với dân số (127.531/146.743).
- Năm 2021: có 132.554 người tham gia BHYT, chiếm 90,33% so với dân số (132.554/146.743).
- Năm 2022 ước: có 136.569 người tham gia BHYT, ước đạt 93% dân số có thẻ BHYT (136.569/146.743).
